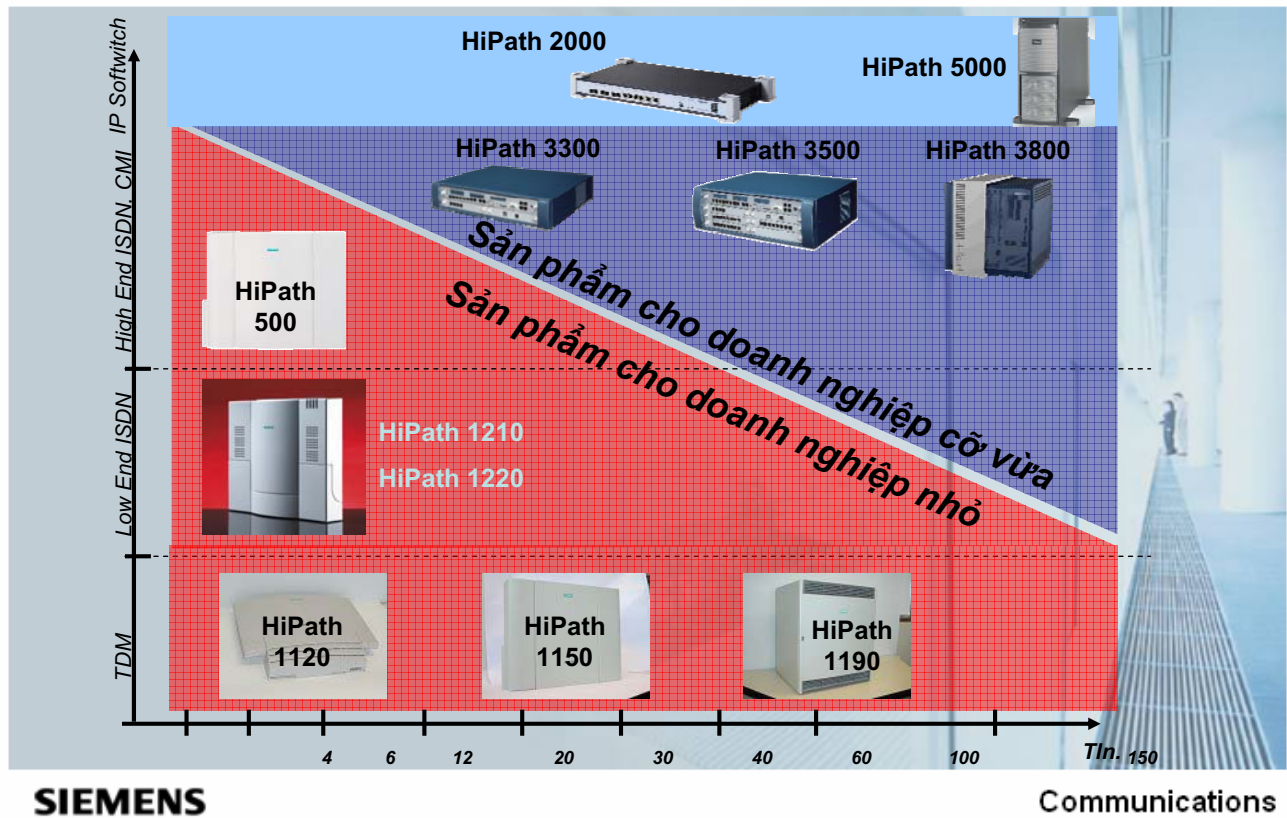


Các dòng sản phẩm dùng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ



Tổng quan về hệ thống

- HiPath 1100 là hệ thống tổng đài nội bộ dùng cho hộ gia đình và doanh nghiệp nhỏ.
- Họ HiPath 1100 gồm có 3 Models là 1120, 1150 and 1190
- Có các loại card tính năng như là ISDN, ADSL, TME1 và nhiều loại card mở rộng cho thuê bao/trung kế, cũng như các loại card cho tính năng CLIP.

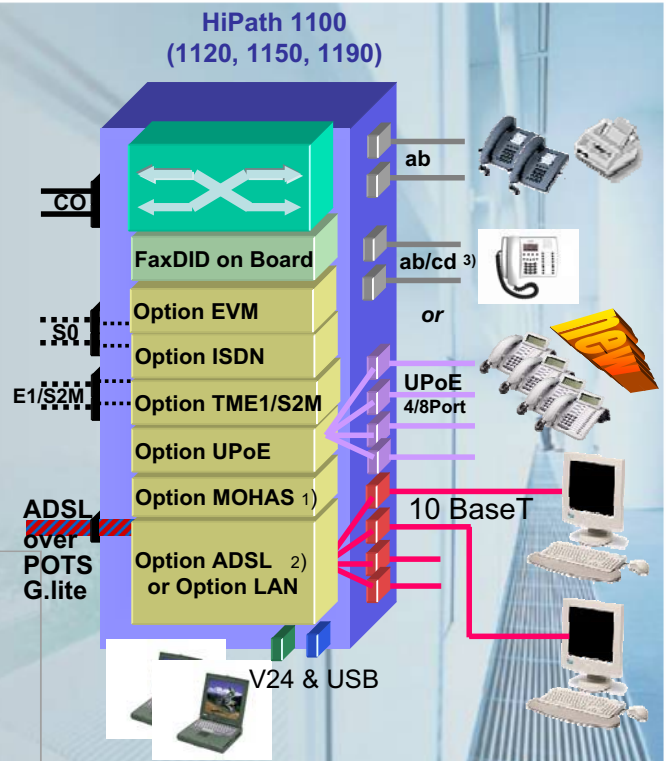
Cấu trúc hệ thống

Cấu hình HiPath 1100

Model	CO-Trunk analogue	Extensions		
		Min.	a/b	c/d 3)
1120	2-6	8-16	4	4
1150	2-16	10-50	8	8
1190	2-32	10-140	8-24	8
Channels in Options				
Model	ISDN	ADSL	TME 1 or S2M	EVM Baby Board
1120	2	1	-	1
1150	2-10	1	30	1
1190	2-10	1	45	1

Cấu hình mở rộng:

1. ADSL or ISDN (all Models)
ISDN available in V5.2
2. Out of total number of Extension
3. only w/o ADSL or ISDN Option and 2 EB20x
4. TME1 Board(s) with Channel for
HiPath 1130/1150 1x15
HiPath 1190 up to 1x15+1x30



SIEMENS

Communications

Part 2 : Giới thiệu phần cứng

- 2.1 Cấu hình cơ bản Hipath 1120
- 2.2 Cấu hình cơ bản Hipath 1150
- 2.3 Cấu hình cơ bản Hipath 1190
- 2.4 Các loại card giao tiếp

SIEMENS

Communications

Hipath 1120



SIEMENS

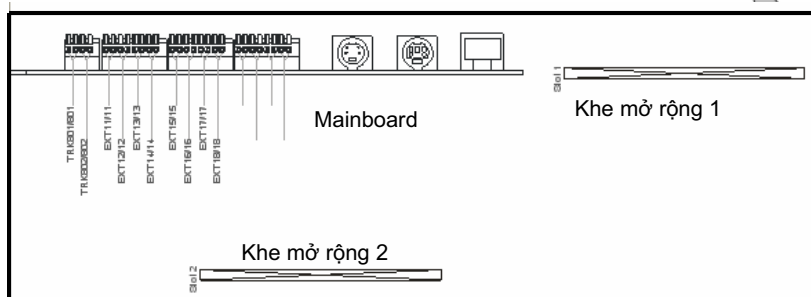
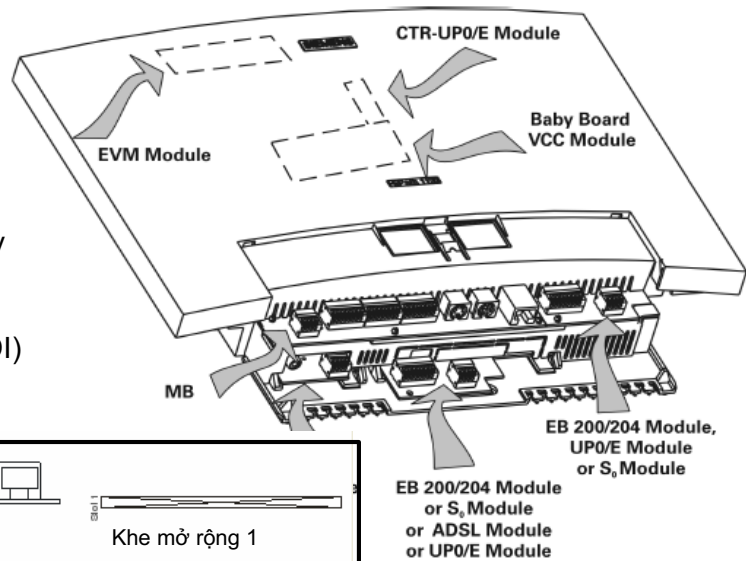
Communications

© Siemens AG, October 2010

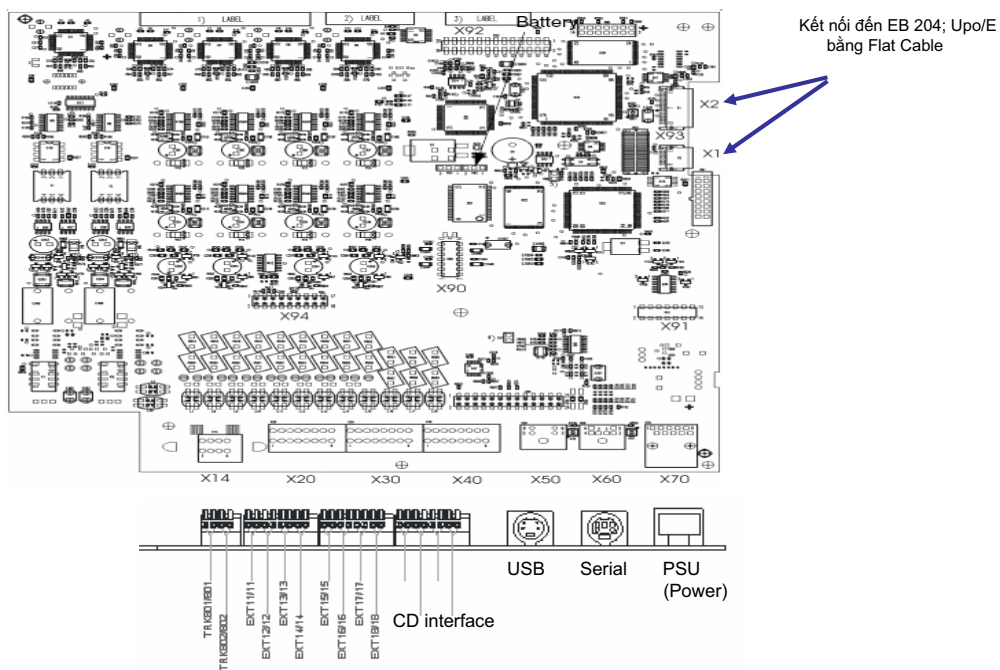
Khung chính (Basic Box hipath 1120)

Cấu hình cơ bản gồm:

- 2 trung kế, 8 máy nhánh có hỗ trợ Caller ID
- 4 port CD dùng cho Key Phone
- Card xử lý trung tâm CPU
- 02 khe cắm card mở rộng
- Cho phép tối đa 6 trung kế, 16 máy nhánh
- Tích hợp Fax/DID
- MoH thay đổi được (file .WAV, MIDI)



Card xử lý trung tâm – CPU Hipath 1120



Hipath 1150



Hipath 1150

Khung chính (Basic Box hipath 1150)

Cấu hình cơ bản gồm:

- 2 trung kế, 10 máy nhánh có hỗ trợ Caller ID.
- 8 port CD dùng cho Key Phone.
- Card xử lý trung tâm CPU.
- 04 khe cắm card mở rộng.
- 1 Bộ nguồn PSU (có hoặc không có nguồn DC Battery dự phòng).
- Cho phép tối đa 16 trung kế/ 50 máy nhánh.
- Tích hợp Fax/DID (8 kênh).
- MoH thay đổi được (file .WAV, MIDI).

1 x Serial (Mini DIN-6 connector)

(kết nối với V24 adapter: xuất cước, lập trình PC)

1 x USB (Mini DIN-4 connector)

(kết nối với USB adapter: lập trình PC, CTI servers)

2 x Audio Input (X8 connector)

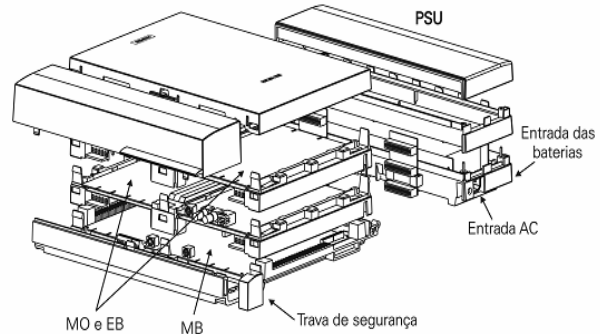
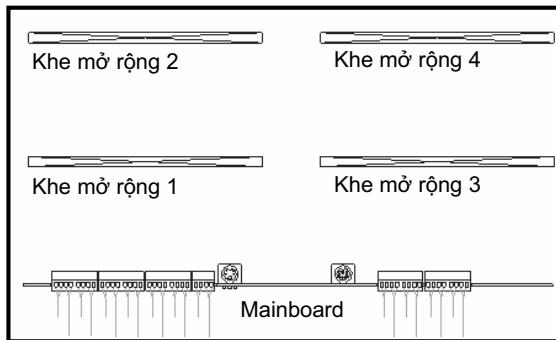
(Kết nối với nguồn nhạc chờ, nhạc nền)

X31 connector

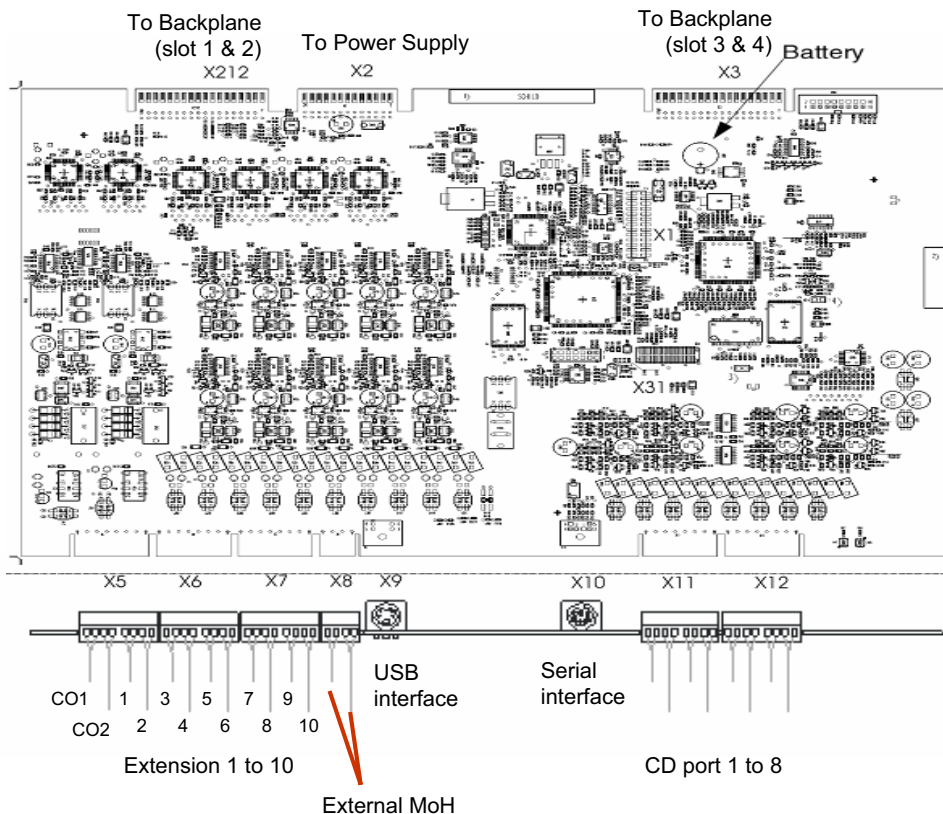
(Cắm card EVM hỗ trợ hộp thư thoại)

X1 connector

(Cắm card điều khiển CTR-UPo/E)



Card xử lý trung tâm Hipath1150 (CPU-IM)



Hipath 1190



SIEMENS

Communications

Hipath 1190

Khung chính (Basic Box hipath 1190)

Bao gồm :

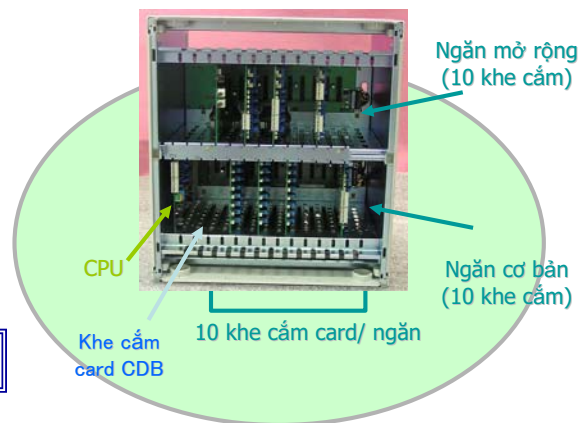
- 2 Bộ nguồn PSU (mặt sau)
- Card xử lý trung tâm CPU
- 01 khe cắm card CDB
- Backplane với 10 khe cắm card mở rộng
- Cho phép tối đa 80 máy nhánh

Bộ Backplane mở rộng (Expansion Kit)

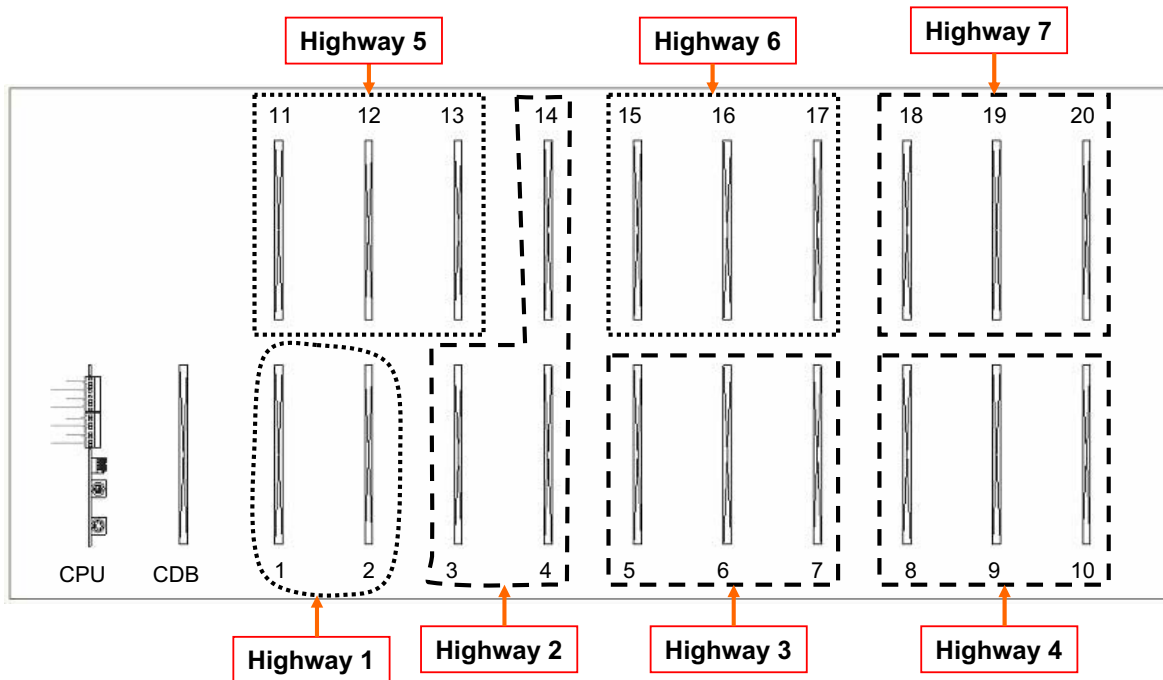
Bao gồm :

- 1 Bộ nguồn PSU
- Backplane với 10 khe cắm card mở rộng
- Nâng cấp dung lượng tối đa 140 máy nhánh cho toàn hệ thống

- **Hệ thống chỉ gồm 1 Cabinet, 2 ngăn (Total: 20 khe cắm card mở rộng)**
- **Cho phép tối đa 32 trung kế/ 140 máy nhánh**



Sự phân bố Module trong hệ thống



Chú ý: Mỗi **Highway** chỉ cho phép cấu hình tối đa **32 port** (bao gồm trung kế và máy nhánh)

Card xử lý trung tâm Hipath1190 (CPU-IM)

- 1 card cho toàn bộ hệ thống
- 8 cổng giao tiếp điện thoại Key (CD interface): X16 & X17 connector
- Tích hợp FAX/DID module (4 channel)
- Hiện thị số gọi đến CLIP (DTMF/ FSK)
- Hỗ trợ 8 mạch đàm thoại tay 3 (3 party conference)
- Tích hợp nguồn nhạc chờ thay đổi được

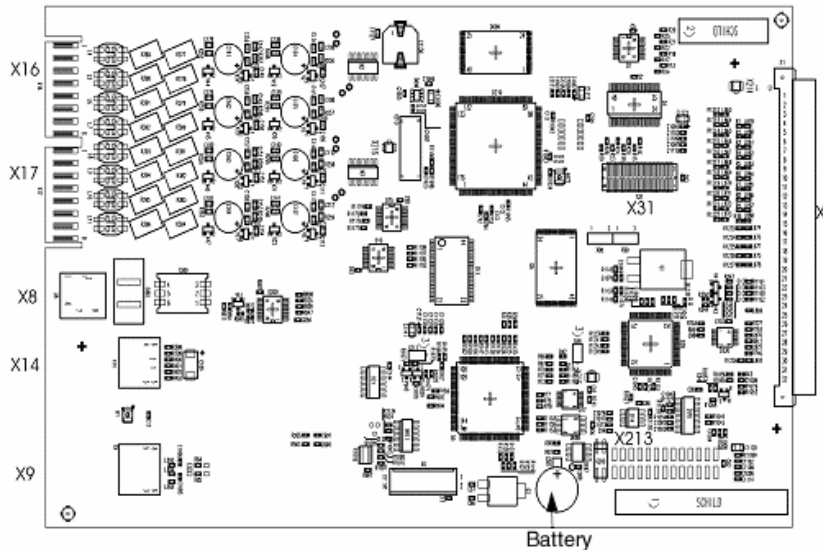
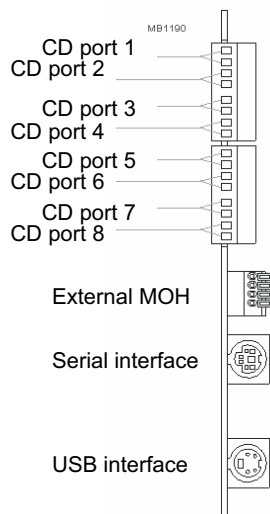
1 x Serial (Mini DIN-6 connector)
(kết nối với V24 adapter: xuất cước, lập trình PC)

1 x USB (Mini DIN-4 connector)
(kết nối với USB adapter: lập trình PC, CTI servers)

2 x Audio Input (X8 connector)
(Kết nối với nguồn nhạc chờ, nhạc nền)

X213 connector
(Cắm card EVM hỗ trợ hộp thư thoại)

X31 connector
(Cắm card điều khiển CTR-UPo/E)



Các loại Card giao tiếp

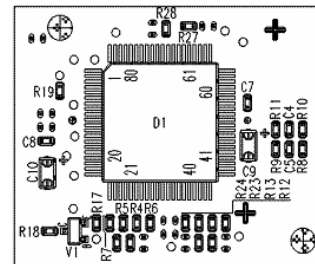
SIEMENS

Communications

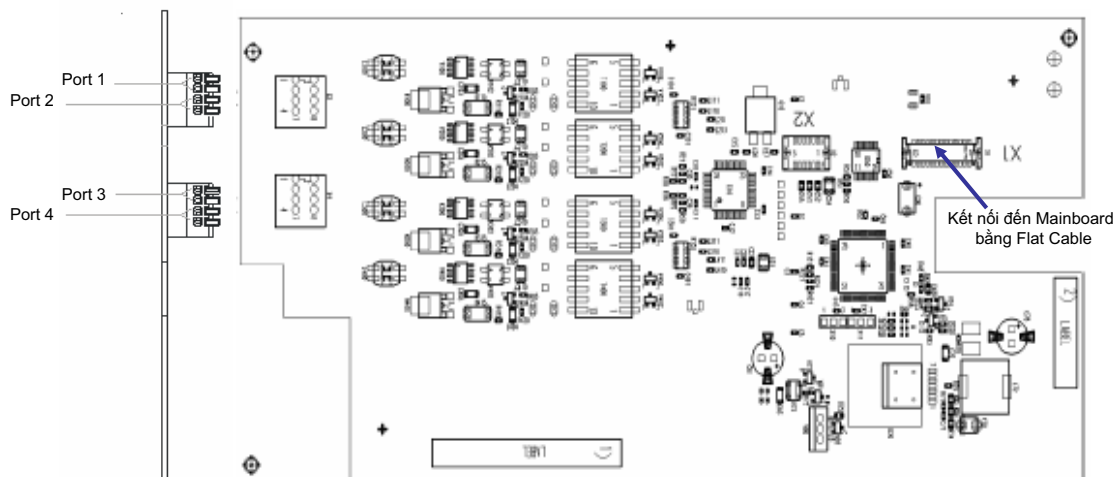
UPo/E 4 port Kit – Hipath 1120

Card hỗ trợ điện thoại kỹ thuật số OptiPoint 500
Dùng cho Hipath 1120

- Tối đa 1 card cho toàn hệ thống.
- Cung cấp 4 giao tiếp với điện thoại kỹ thuật số Optipoint 500.
- Phải đi kèm với card CTR U_{po/E}..



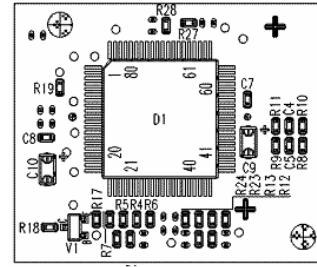
CTR U_{po/E} Modules
(Cắm trên card CPU)



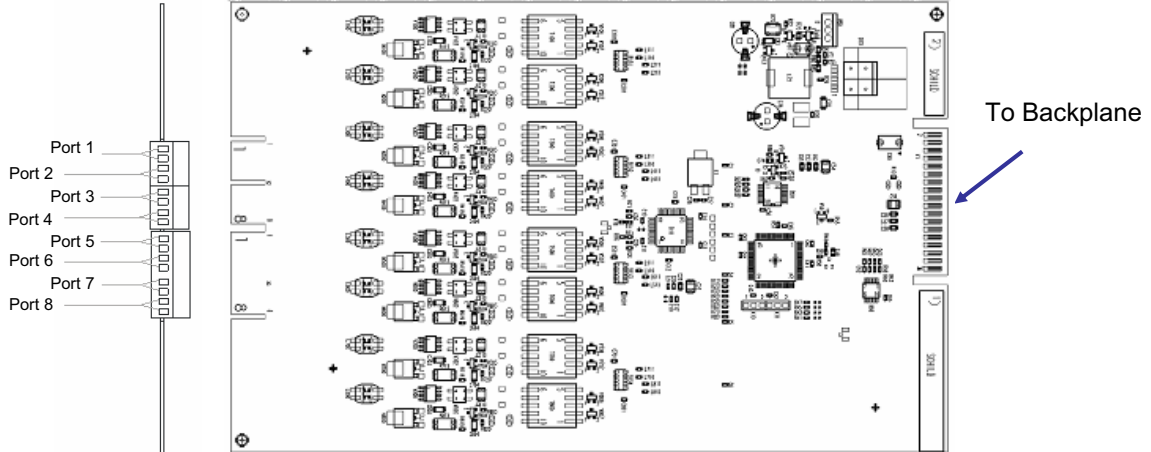
UPo/E 8 port Kit – Hipath 1150/ 1190

Card hỗ trợ điện thoại kỹ thuật số OptiPoint 500 Dùng cho Hipath 1150/ 1190

- Tối đa 1 card cho toàn hệ thống.
- Cung cấp 8 giao tiếp với điện thoại kỹ thuật số Optipoint 500.
- Phải đi kèm với card CTR U_{po/E}.
- Chỉ cắm ở khe 3,4 Hipath1190; khe 1,2 Hipath1150.



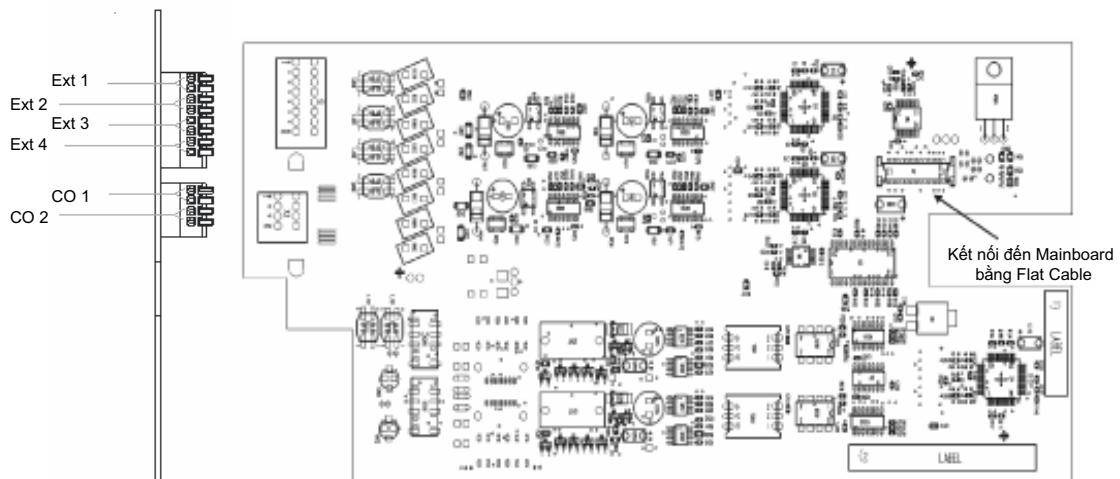
CTR U_{po/E} Modules
(Cắm trên card CPU)



Các loại card mở rộng trung kế - máy nhánh Hipath 1120

Card mở rộng 2 trung kế – 4 máy nhánh (EB 204) Chỉ dùng cho Hipath 1120

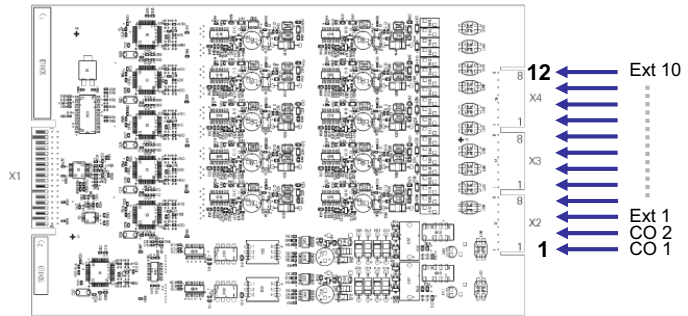
- Tối đa 2 card/ hệ thống.
- 2 port trung kế: có đảo cực, Caller ID.
- 4 port máy nhánh analog có hỗ trợ Caller ID.
- Tự động chuyển 2 trung kế sang 2 port máy nhánh đầu tiên khi mất điện.



Các loại card mở rộng trung kế - máy nhánh Hipath 1150, 1190

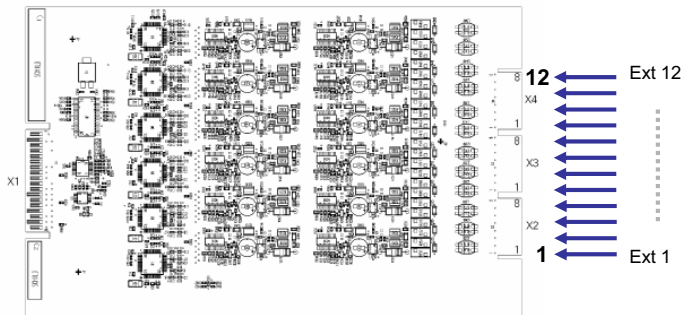
Card mở rộng 2 trung kế - 10 máy nhánh (EB 210)

- Tối đa 14 card/ hệ thống.
- 2 port trung kế: có đảo cực, Caller ID.
- 10 port máy nhánh analog có hỗ trợ Caller ID.
- Tự động chuyển 2 trung kế sang 2 port máy nhánh đầu tiên khi mất điện.
- Có thể cắm ở bất kỳ khe nào (Dùng cho Hipath 1150/1190)



Card mở rộng 12 máy nhánh (EB 012)

- Tối đa 11 card/ hệ thống.
- 12 port máy nhánh analog có hỗ trợ Caller ID...
- Có thể cắm ở bất kỳ khe nào (Dùng cho Hipath 1150/1190)



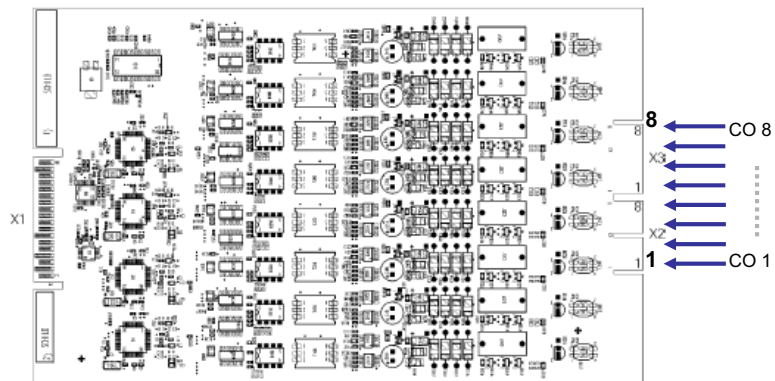
Các loại card mở rộng trung kế - máy nhánh Hipath 1150, 1190

Card mở rộng 2 trung kế - 6 máy nhánh (EB 602)

- Tối đa 16 card/ hệ thống.
- 2 port trung kế: có đảo cực, Caller ID.
- 6 port máy nhánh analog có hỗ trợ Caller ID.
- Tự động chuyển 2 trung kế sang 2 port máy nhánh đầu tiên khi mất điện.
- Có thể cắm ở bất kỳ khe nào..

Card mở rộng 4/8 trung kế (EB 400/ EB 800)

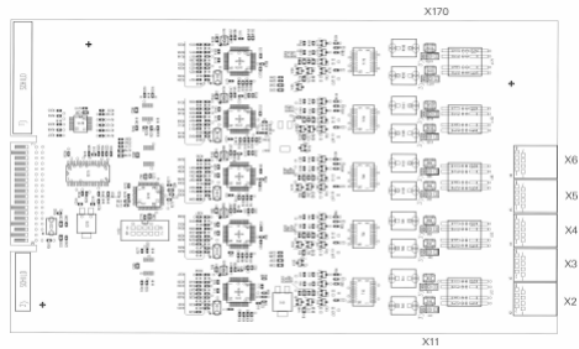
- Tối đa 8 card EB 400 (4 card EB800)/ hệ thống.
- 4/8 port trung kế: có đảo cực, Caller ID.
- Không tự động chuyển sang máy nhánh khi mất điện.
- Có thể cắm ở bất kỳ khe nào..



Các loại ISDN, ADSL Hipath 1150, 1190

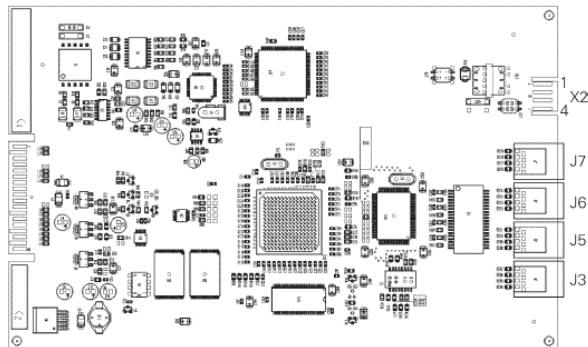
Card 2/5 port trung kế ISDN (BRI) (So Module)

- Tối đa 2 card/ hệ thống.
- 2/5 port trung kế ISDN (2B + D)
- Chỉ cắm ở khe 1 hoặc 11.



ADSL Module

- Tối đa 1 card/ hệ thống.
- Modem ADSL, hỗ trợ 8Mbps downstream và 1 Mbps upstream.
- Chỉ cắm ở khe 2 - Hipath1190, khe 3 hoặc 4 - Hipath1150



Part 3 : Thiết bị đầu cuối

Dòng điện thoại analog



Profiset 3030

- Phím Mute
- Thoại rảnh tay (2 chiều)
- Nhạc chờ, màn hình LCD
- 16 phím nhớ / phím chức năng
- Màu sắc: xám đen, xám bạc
- Sử dụng 4 dây (2 Tip-Ring, 2 data)
- Power-fault



Dòng điện thoại digital – optiPoint 500





optiPoint 500 entry

- 8 phím chức năng có đèn LED
- Thoại rảnh tay (1 chiều)
- 2 phím điều khiển (+/-)
- Có thể treo tường
- Màu sắc: xám đen, xám bạc



optiPoint 500 economy

- Giống optiPoint 500 entry, thêm:
- 12 phím chức năng có đèn LED
 - Màn hình LCD 2 dòng x 24 ký tự
 - 3 phím truy xuất nhanh vào menu (OK, Back, Next)



optiPoint 500 basic

Giống optiPoint 500 economy, thêm:

- Cổng giao tiếp USB 1.1
- 1 cổng gắn thêm adaptor
- Kết nối được 2 Key module



optiPoint 500 standard

Giống optiPoint 500 basic, thêm:

- Thoại rảnh tay (2 chiều)



optiPoint 500 advance

Giống optiPoint 500 Standard, thêm:

- 19 phím chức năng có đèn LED
- 2 cổng kết nối adaptor
- cổng kết nối tai nghe

Key module 16 phím



Optipoint adaptor



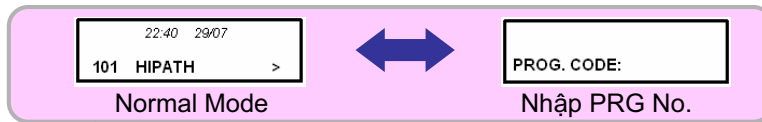
Part 4 : Các phương thức lập trình

Lập trình hệ thống bằng điện thoại

Thực hiện trên điện thoại analog (DTMF), profiset 3030, OptiPoint500. Chỉ có port máy nhánh đầu tiên có thể vào mode lập trình

<Vào chế độ lập trình>

- | | |
|------------------------|----------------------------|
| 1. Bấm phím SPEAKER. | 1. Đang ở Programming mode |
| 2. Bấm *95 | 2. Bấm tắt SPEAKER |
| 3. Nhập Password 31994 | hoặc nhắc máy, gác máy |



<Lập trình từ xa dùng điện thoại analog DTMF>

Trường hợp có Fax-DID

- Gọi đến tổng đài, nghe câu chào (Fax-DID), bấm *95, nghe "tút", nhập PW 31994, nghe "tút" -> đã vào mode lập trình như bình thường. Lúc này, việc lập trình phải dựa vào tone "tút" (xác nhận) hoặc "tut-tut-tut" (không xác nhận)
- Sau khi lập trình, bấm 196 và gác máy kết thúc lập trình từ xa.

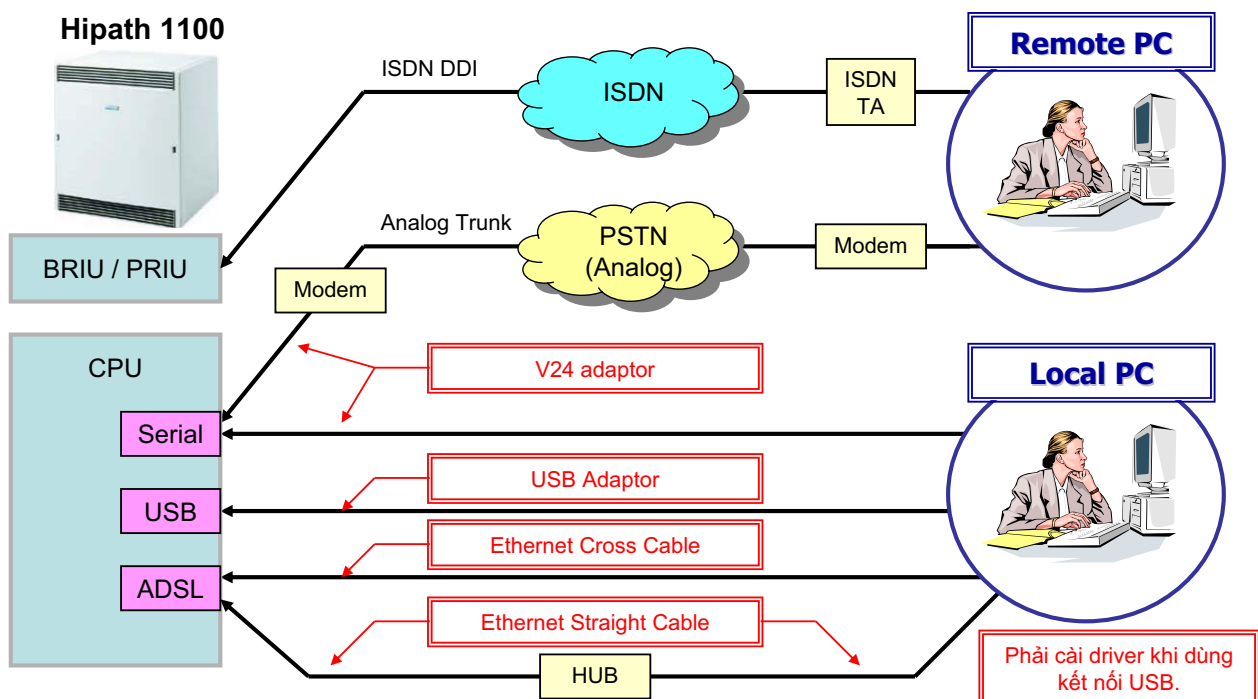
Trường hợp không có Fax-DID

- Gọi đến tổng đài, nhờ điện thoại viên bấm *991, chờ nghe "tút", nhập PW 31994, nghe "tút" -> đã vào mode lập trình như bình thường. (sau khi bấm *991, điện thoại viên có thể cúp máy)
- Sau khi lập trình, bấm 196 và gác máy kết thúc lập trình từ xa.



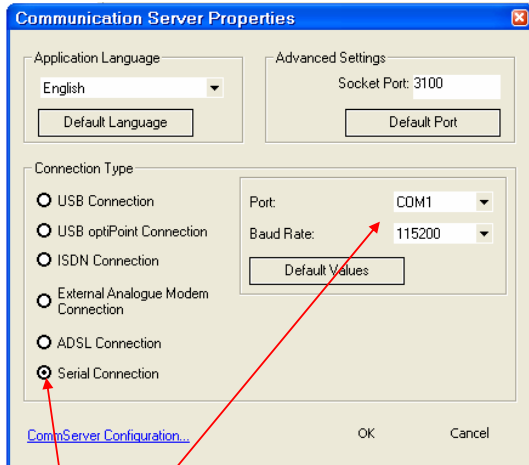
Lập trình hệ thống sử dụng PC

Các phương thức kết nối vào hệ thống



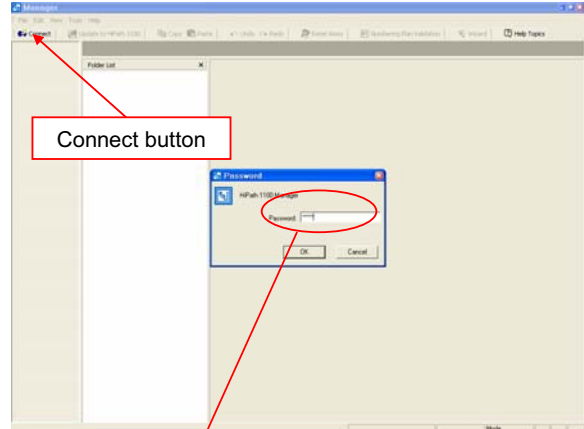
Thiết lập kết nối

Chạy chương trình Communication Server



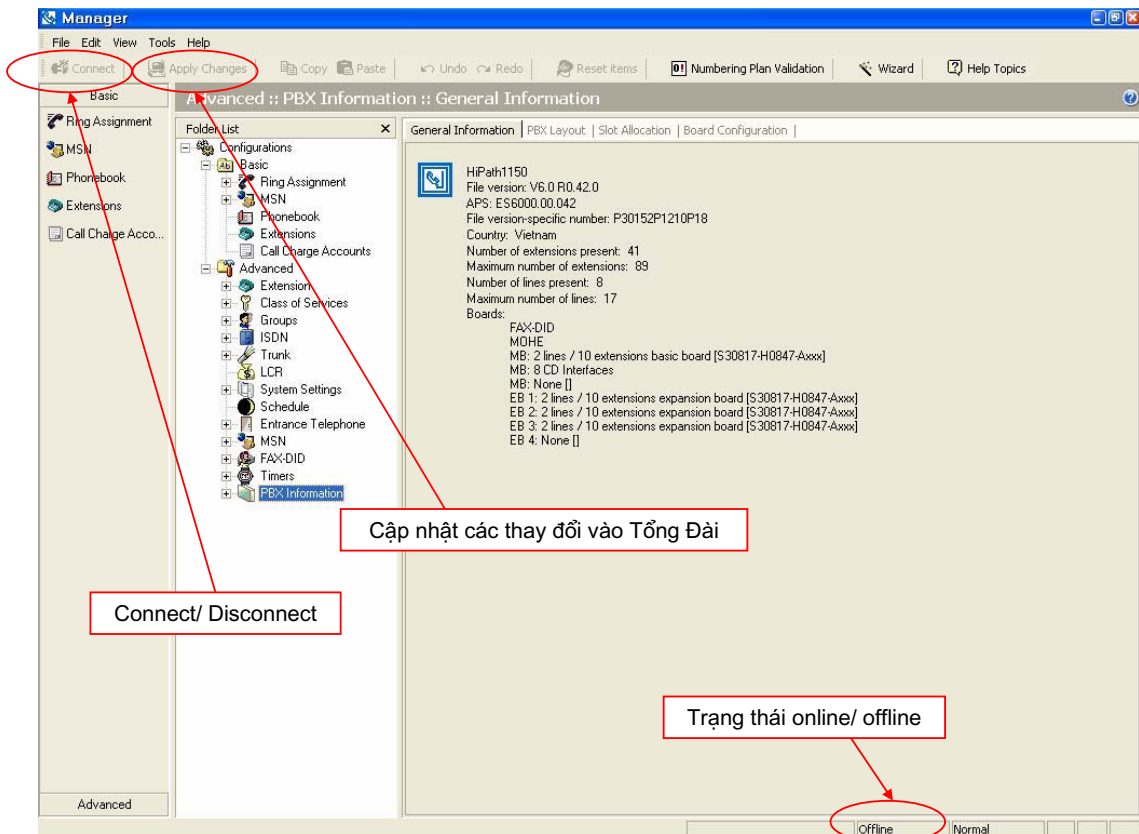
Chọn loại kết nối (serial)
Chọn cổng COM máy tính và tốc độ phù hợp (mặc định 19200)

Chạy chương trình Manager



Password : 31994

Giao diện chương trình Hipath 1100 Manager



Cập nhật các thay đổi vào Tổng Đài

Connect/ Disconnect

Trạng thái online/ offline

Offline

Kế hoạch đánh số (mặc định)

Description	HiPath 1120	HiPath 1150	HiPath 1190
External Line	801 to 806	801 to 832	801 to 845
Extension, including S ₀	11 to 30	11 to 60 610 to 645	101 to 240
Groups of External Lines	0, 890 to 899		
Call Groups (CG)	770 to 779		
Hunt Groups (HG)	780 to 789		
UCD Subscriber Groups	790 to 799		
Carrier	9		
EVM - Default internal number	790		
EVM - Message Ports	7491 and 7492		
Fax/DID - Virtual Message Ports	740 to 743		
USB/CAPI line	10		100
Substitution for * and #	75 and 76 (accordingly)		

SIEMENS

Communications

Part 5 : Lập trình hệ thống

SIEMENS

Communications

5.1 : Các thông số cơ bản

- Chọn Quốc gia
- Chỉnh thời gian hệ thống
- Chỉ định máy đồ chuông ngày/ đêm
- Tạo nhóm trung kế gọi ra
- Cấu hình các thông số của CO
- Lập trình số máy nhánh, đặt tên
- Chỉ định port CD cho ĐT Key
- Gán phím chức năng cho ĐT Key

SIEMENS

Communications

Chọn Quốc Gia

The screenshot shows the Siemens Manager interface with the 'Regional Settings' window open. The 'Country' dropdown menu is set to 'Vietnam', which is circled in red. A red arrow points from a box labeled 'Chọn Vietnam' to the dropdown. The 'Regional Settings' folder in the left-hand tree is also circled in red, with a red arrow pointing to a box labeled 'Regional Settings'. A white box in the bottom right corner contains the following information:

ĐT Key

- PRG 165
- Nhập mã quốc gia 07 (VietNam)
- Hệ thống tự động restart

- **Chú ý:** Sau khi chọn **Apply Changes**, Tổng Đài sẽ tự động restart. Phải thực hiện **connect** trở lại khi Tổng Đài khởi động xong

Chỉnh thời gian hệ thống

DT Key

- PRG 114
- Nhập ngày giờ DDMMYYHHMM (10 ký tự), Bấm # để thực hiện
- VD: 2408061435 (24/8/2006, 14:35)

Chỉ định máy đổ chuông ngày/ đêm

Day

Bấm chọn Trung kế

Các giá trị có thể chọn:

- Số máy nhánh: max 10 vị trí đổ chuông cùng lúc
- Nhóm hunting/ UCD: chỉ 1 vị trí

Nếu First Attendant không trả lời (sau thời gian Delayed) thì đổ chuông Second Attendant.

- Chú ý: Cấu hình tương tự cho Mode Đêm (nếu có)

Tạo nhóm trung kế gọi ra

Trunk Group

Trunk Group	Access Code	Connection Type	Overflow Group	Trunks in the group
0	0	Direct	Off	801 802 803 804 805 806 807...
1	890	Direct	Off	
2	891	Direct	Off	
3	892	Direct	Off	
4	893	Direct	Off	
5	894	Direct	Off	
6	895	Direct	Off	
7	896	Direct	Off	
8	897	Direct	Off	
9	898	Direct	Off	
10	899	Direct	Off	

Trunks

Available	Selected
	801
	802
	803
	804
	805
	806
	807
	808

Để tạo mã gọi ra ngoài là số 9 (mặc định là 0), cần phải làm các bước:

- Vào **System Setting -> Service Codes -> Tìm chọn mã Operator** (mặc định là số 9) đổi thành số bất kỳ (không được trùng số).
- Trở lại Trunk Group -> Chọn Trunk Group 0 đổi access code thành 9.

Bấm chọn nhóm Trung kế muốn tạo. Chọn các trung kế trong bảng Available đưa vào bảng Selected

Mặc định tất cả trung kế đều thuộc Trunk Group 0. Hệ thống cho phép tạo 11 nhóm trung kế với mã gọi ra (access code) khác nhau.

Cấu hình các thông số của trung kế

General

Trunk	Direction	CLIP-ANA Protocol	DISA Trunk	Dialling Type	Protocol	Presence
801	Bidirectional	FSK	Never	Tone	Loop Start	Yes
802	Bidirectional	FSK	Never	Tone	Loop Start	Yes
803	Bidirectional	FSK	Never	Tone	Loop Start	Yes
804	Bidirectional	FSK	Never	Tone	Loop Start	Yes
805	Bidirectional	FSK	Never	Tone	Loop Start	Yes
806	Bidirectional	FSK	Never	Tone	Loop Start	Yes
807	Bidirectional	FSK	Never	Tone	Loop Start	Yes

Trunk Configuration

Direction: Bidirectional, Incoming, Outgoing

CLIP-ANA Protocol: Disabled, DTMF 1, DTMF 2, FSK

DISA Trunk: Never, Only Night, Only Daylight, Always

Call Answer Signaling: None, Silent Reversal, DTMF Tone

Trunk Presence: Trunk Presence, Tone Detector

Dialling Type: MF (Tone), DP (Pulse)

Protocol: Loop Start, Ground Start

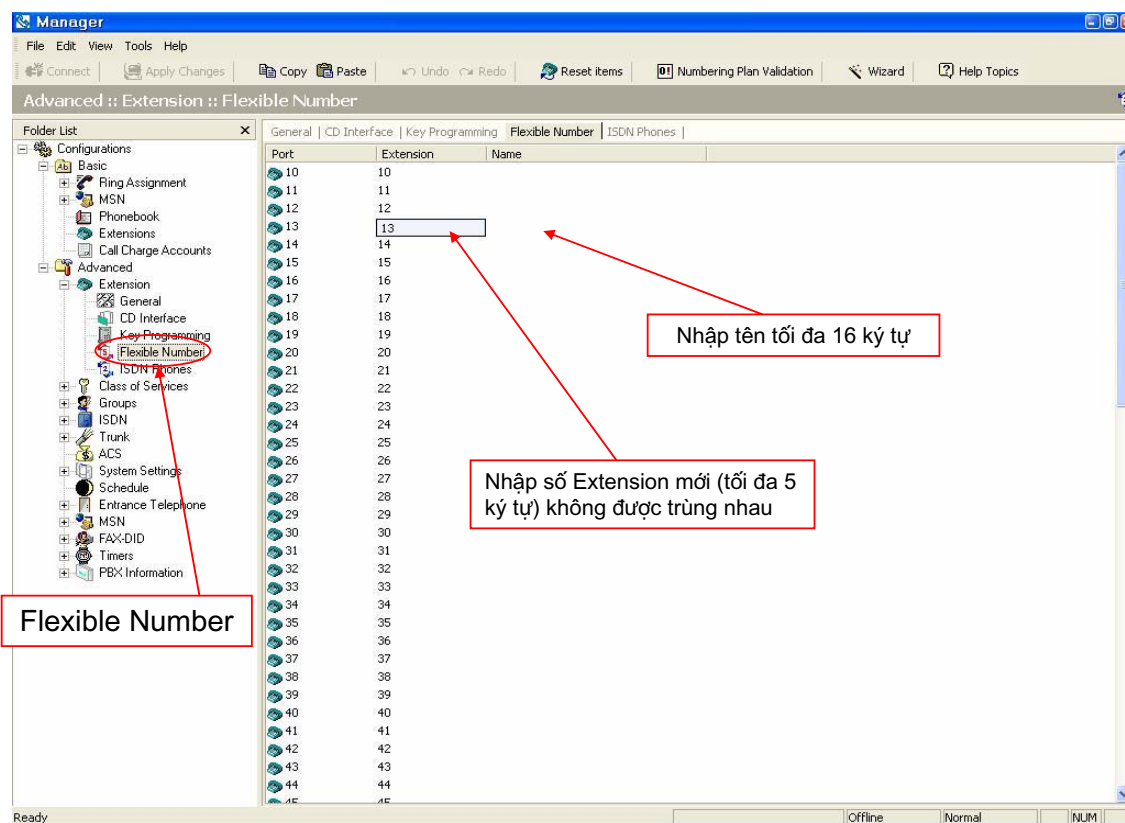
Chọn Protocol cho hiển thị số, tùy thuộc Tổng đài Bưu điện. Đa số chọn FSK

Đánh dấu chọn Silent Reversal nếu có đang ký đảo cực

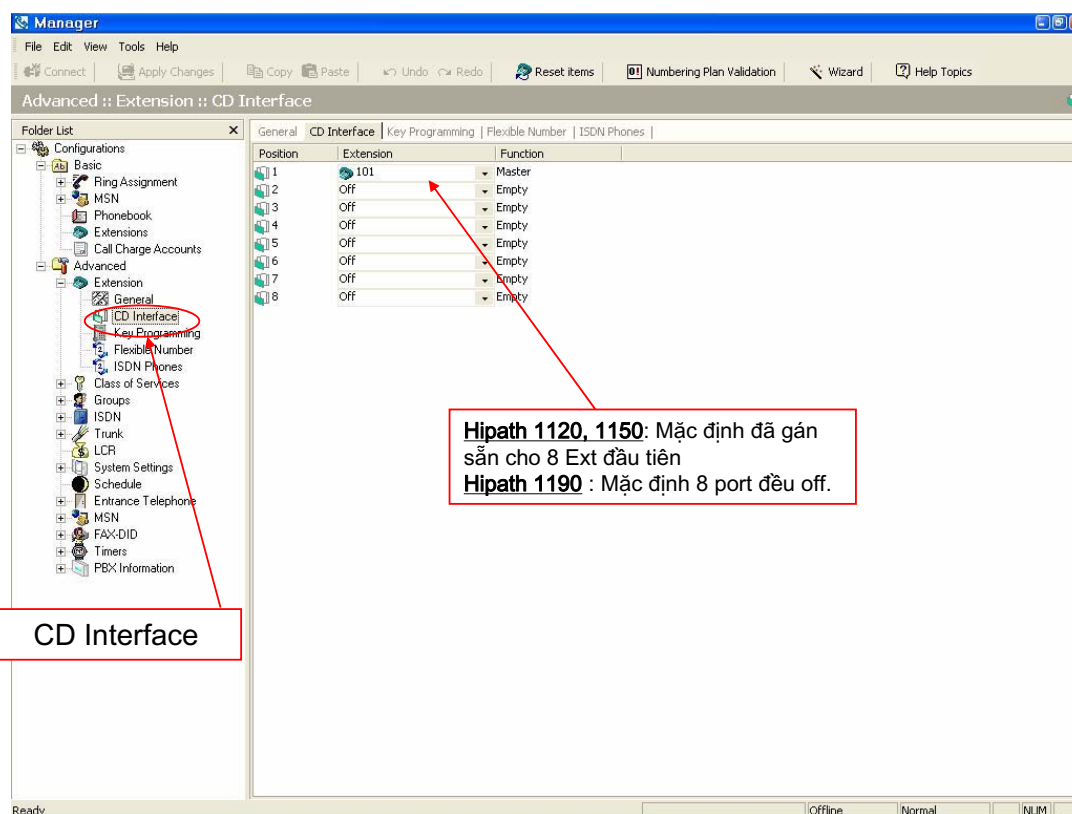
Direction: Định hướng cho trung kế:
 Bidirectional: cả 2 hướng gọi ra/ vào.
 Incoming: chỉ cho phép gọi vào.
 Outgoing: Chỉ cho phép gọi ra.

Trunk Presence: Đối với những trung kế chưa kết nối vào tổng đài, không đánh dấu chọn Check box này

Lập trình số máy nhánh và đặt tên máy nhánh



Chỉ định port CD cho điện thoại Key



Gán phím chức năng cho ĐT Key

Key Programming

Rê chuột chọn đúng phím muốn lập trình (sẽ đỏ đèn lên)

Chọn Ext muốn lập trình

Service Code: Chọn dịch vụ gán cho phím

- Trunk Key: phím trung kế
- Redial Key: phím máy nhánh
- Night answer: Phím chuyển Ngày/ Đêm
- Virtual Module: Phím chuyển giữa trang 1/ trang 2

First Parameter : Gán tham số tương ứng cho phím.

Tạo nhóm máy nhánh liên tục (hunting group)

Groups -> hunting group

Hunting Group	Access Code	Name	Extensions in the group	Hunting Group
0	780		11, 12	Linear
1	781			Linear
2	782			Linear
3	783			Linear
4	784			Linear
5	785			Linear
6	786			Linear
7	787			Linear
8	788			Linear
9	789			Linear

Chọn thành viên cho nhóm. Mỗi nhóm tối đa 10 Ext. Muốn gọi đến nhóm chỉ việc bấm Access code của nhóm đó. Các nhóm liên tục có thể được lập trình để nhận cuộc gọi vào, hoặc tạo thành 1 **nhóm Operator** (lúc này phải đổi Access code của nhóm thành 0 để các Ext khác bấm 0 sẽ đổ chuông nhóm Operator)

Chọn loại hunting:
 +**Linear:** đổ chuông theo thứ tự ưu tiên các Ext trong nhóm
 +**Cycle:** đổ chuông xoay vòng, chia đều cho các Ext trong nhóm

Class of Service

(Cấp dịch vụ gọi ra cho máy nhánh)

SIEMENS

Communications

Tạo bảng cấm

Manager
File Edit View Tools Help
Connect Apply Changes Copy Paste Undo Redo Reset Items Numbering Plan Validation Wiz

Advanced :: Class of Services :: Prohibition Lists

Folder List

- Configurations
 - Basic
 - Ring Assignment
 - MSN
 - Phonebook
 - Extensions
 - Call Charge Accounts
 - Advanced
 - Extension
 - Class of Services
 - Category Day
 - Category Night
 - Permission Lists
 - Prohibition Lists
 - Groups
 - ISDN
 - Trunk
 - ACS

List 1

0
110
101
17

List 2

00
17100
110
101
17700
17800
17900

List 3

1710
1770
1780
1790
00
01
02
03
04
05
06
07
08
110
101

Prohibition Lists (Bảng cấm)

-Chỉ cho phép gọi nội tỉnh.
-Cấm QT (00), liên tỉnh (01 -> 08), di động (09), Tổng đài nhân công QT, LT (110,101), các dịch vụ VoIP (171,177,178,179...)

-Cho phép gọi ĐĐ, nội tỉnh.
-Cấm LT, QT, VoIP QT, VoIP LT, 110, 101

-Cho phép gọi LT, ĐĐ, nội tỉnh.
-Cấm QT, VoIP QT, 110, 101

Gán cấp dịch vụ cho máy nhánh (COS)

Category Day
Category Night

Extension	Category Day	Category Night	Permission Lists	Prohibition Lists
10	Total Permission	Total Permission	Total Permission	Total Permission
11	Total Permission	Total Permission	Total Permission	Total Permission
12	Total Permission	Total Permission	Total Permission	Total Permission
13	Total Permission	Total Permission	Total Permission	Total Permission
14	Total Permission	Total Permission	Total Permission	Total Permission
15	Total Permission	Total Permission	Total Permission	Total Permission
16	Total Permission	Total Permission	Total Permission	Total Permission
17	Total Permission	Total Permission	Total Permission	Total Permission
18	Total Permission	Total Permission	Total Permission	Total Permission
19	Total Permission	Total Permission	Total Permission	Total Permission
20	Total Permission	Total Permission	Total Permission	Total Permission

Extension: 13
Trunk Group:
Category: Total Permission

- Extension**: Chọn số máy nhánh .
- Trunk Group**: Chọn Trunk group tương ứng, nếu để trống sẽ active cho tất cả Trunk Group.
- Category**: có các giá trị sau:
 - + **No Permission**: Không cho phép gọi ra.
 - + **Total Permission**: Cho phép toàn quyền.
 - + **Prohibition List 1**: Cấm gọi các số có trong List này (cấm QT, DD, LT)
 - + **Prohibition List 2**: Cấm gọi các số có trong List này (cấm QT)
 - + **Prohibition List 3**: Cấm gọi các số có trong List này (cấm QT, LT)
 - + **Permission List 1,2,3**: Chỉ cho phép gọi các đầu số có trong List tương ứng.

Tính năng FAX/DID

(Tính năng trả lời tự động và nhận biết tín hiệu Fax)

Kích hoạt chế độ Fax/DID

Configuration

Access Code	Delay	Ringing Mode	Mode	Extension for FAX	Announcement
801	30 s	External Ringer 1	FAX-DID	Off	Off
802	30 s	External Ringer 1	FAX-DID	Off	Off
803	30 s	External Ringer 1	DID	Off	Off
804	30 s	External Ringer 1	DID	Off	Off
805	30 s	External Ringer 1	Deactivated	Off	Off
806	30 s	External Ringer 1	Deactivated	Off	Off

Chọn Mode **FAX-DID** hoặc **DID** cho các trung kế muốn dùng

Nếu dùng chức năng tự động nhận biết tín hiệu Fax thì chọn Ext nào sẽ nhận Fax

Fax/DID: call answering menu

Fax-DID -> Routing menu

Index	Route
0	100
1	780
2	Off
3	Off
4	Off
5	Off
6	Off
7	Off
8	Off
9	Off
*	Off

Trong khi nghe câu chào, khách hàng có thể bấm số Ext, nhóm Ext hoặc có thể bấm 1 số (từ 0 đến 9, *) để vào thẳng 1 Ext hoặc nhóm Ext

Fax/DID: Ghi âm câu chào (announcement)

Dùng điện thoại Key hoặc analog (port đầu tiên): vào mode lập trình

- **PRG 137**
 - Nhập **9** (ghi âm) hoặc **0** (nghe lại)
 - Nhập số thứ tự của loại thông báo muốn ghi (từ **01** đến **12**, xem bên dưới)
 - Sau khi nghe tiếng bíp, thực hiện ghi âm bằng tai nghe điện thoại
 - Bấm **1** để kết thúc ghi âm
 - Bấm **0** nghe lại hoặc **9** ghi âm mới các thông báo khác
- Hoặc bấm **#** trở về Programming Mode

Chú ý: Các announcement thường dùng

Mode DID 04 : Câu chào chế độ Ngày (Day mode), tối đa 32 giây
05 : Câu chào chế độ Đêm (Night mode), tối đa 32 giây
06 : Câu thông báo khi chuyển máy, tối đa 16 giây

Mode FAX-DID 07 : Câu chào chế độ Ngày (Day mode), tối đa 32 giây
08 : Câu chào chế độ Đêm (Night mode), tối đa 32 giây
09 : Câu thông báo khi chuyển máy, tối đa 16 giây

SIEMENS

Communications

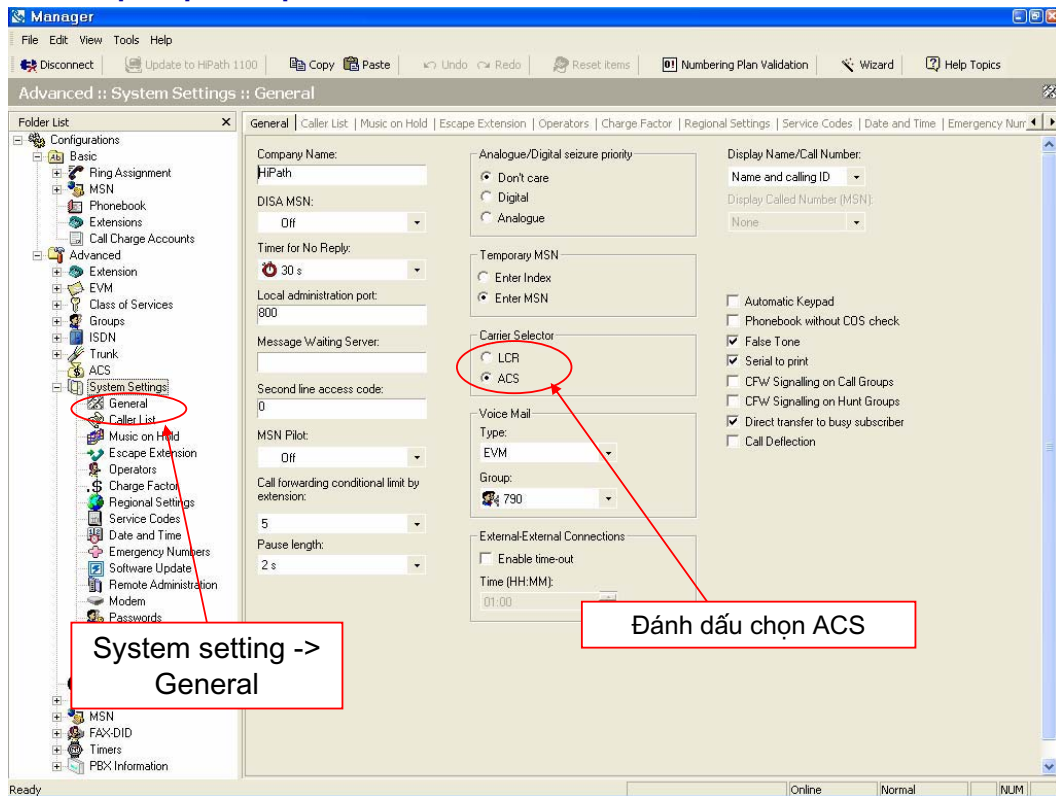
Automatic Carrier Selection (ACS)

(Tự động định tuyến cuộc gọi theo hướng dịch vụ
171,177,178,179,...)

SIEMENS

Communications

Kích hoạt dịch vụ



Khai báo bảng định tuyến

Index	Rule Name	Route	Selected Number	Alternative Route	Alternative Number	Ove...	O...	Period Name	Period Name
001	Add 171 QT	Off	00	9	17100	Off	0	0 - Ngày thường	0 Ngày thường
002	Add 171 LT	Off	01	9	17101	Off	1	1 - Ngày thường	1 Ngày thường
003	Add 177 QT	Off	00	9	17700	Off	1	1 - Ngày lễ	1 Ngày lễ

Ví dụ: Khi user gọi QT (bấm 00) sẽ tự động chèn 171

Rule Name: Đặt tên cho luật quay số (Add 171)

Selected Number: Nhập chuỗi số cần được thay thế (00).

Alternative Route: Chọn nhóm trung kế gọi ra (9).

Alternative Number: Chuỗi số thay thế sẽ được quay đi (17100).

Period Name: Chọn Mode thời gian cho luật quay số này (mode 0 – ngày thường).

Để active luật quay số này theo từng khoản thời gian, dùng chuột tô đậm Mode thời gian này cho các Workday/ Saturday/ Sunday với những khoản thời gian tương ứng.

ACS

Các tính năng mở rộng

- Lập trình xuất cước (Call detail recording):

- + **PC: Advanced** -> **System Setting** -> **General** -> Đánh dấu chọn checkbox “**Serial to print**”
- + **DT Key: PRG. 006** -> bấm * để xuất cước, bấm # tắt chức năng xuất cước.
(Tốc độ mặc định 19200 bps, data bits = 8, parity = None, Stop bit =1)
- + Thay đổi tốc độ cổng Serial: **PRG. 120**, nhập các giá trị từ **1** đến **9**
(1 = 9600, 3=19200, 7=115200, 9=256000)
Chú ý: Phải tắt chức năng xuất cước trước khi đổi tốc độ

- Giới hạn thời gian đàm thoại (Long conversation cut-off)

- + **PC: Advanced** -> **Extension** -> **General** -> **Chọn Ext** -> trong ô **Call timer** đánh dấu chọn checkbox “**Enable timer**” và chọn thời gian yêu cầu.
- + **DT Key: PRG. 047** -> nhập **Ext** -> nhập thời gian từ **00** đến **36** (x5 giây).

- Tự động chiếm trung kế khi nhắc máy

Tính năng này thường dùng cho các Ext là máy Fax, khi nhắc máy sẽ tự động chiếm trung kế mà không cần bấm số 9.

- + **PC: Advanced** -> **Extension** -> **General** -> **Chọn Ext** -> đánh dấu chọn checkbox “**Automatic Trunk Seizure**”.
- + **DT Key: PRG. 036** -> nhập **Ext** -> nhập * (active) hoặc # (deactive).
Trong trường hợp muốn gọi nội bộ, nhắc máy bấm ***80 + số Ext**

SIEMENS

Communications

THANK YOU

SIEMENS

Communications